

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

Bản tin Thư viện

Tháng 11/2019

Ấn phẩm được đăng tại:

<http://thuvien.hlu.edu.vn/productservices.aspx?mnuid=1311>

MỤC LỤC

1. Điểm tin hoạt động Tháng 11/2019	2
1.1. Công tác bổ sung, xử lý tài liệu và thông tin	
1.2. Công tác phục vụ bạn đọc	
2. Hoạt động Tháng 12/2019	2
3. Giới thiệu sách	3
<i>Các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam</i>	
<i>Người Việt tự ngắm mình</i>	
<i>Bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình - Nhận thức và giải pháp phòng ngừa</i>	
<i>International commercial arbitration</i>	
4. Tin pháp luật	7
4.1. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 11/2019	7
4.2. Văn bản pháp luật ban hành trong tháng 11/2019	111
4.3. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao (từ 1/11-25/11/2019).....	14
5. Có thể bạn quan tâm?	24

1. Điểm tin hoạt động Tháng 11/2019

1.1. Công tác bổ sung, xử lý tài liệu và thông tin

✚ Bổ sung 7 tên sách (310 cuốn), xử lý tài liệu, cập nhật CSDL thư mục 354 biểu ghi các loại. Tiến hành trao đổi tài liệu với Thư viện của các trường theo thỏa thuận đã ký kết: nhận tài liệu trao đổi của Trường Đại học Mở Thành phố HCM 20 cuốn sách, tạp chí; gửi trao đổi Tạp chí Luật học số đặc biệt cho 5 đơn vị (50 cuốn). Nhận tài liệu tặng biểu 23 tên (122 cuốn).

✚ Biên soạn Bản tin Thư viện, Thông báo sách mới tháng 11/2019, bạn đọc tham khảo các ấn phẩm này trên website của Thư viện tại địa chỉ <http://thuvien.hlu.edu.vn>, Trang Fanpage: Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội hoặc đọc bản in tại Phòng đọc.

✚ Số hóa sách tham khảo của tác giả là giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội: 56 cuốn.

1.2. Công tác phục vụ bạn đọc

✚ Phục vụ 19.408 lượt bạn đọc đến thư viện; tư vấn, hỗ trợ: 1.286 lượt bạn đọc; 23.338 lượt truy cập tài liệu số; truy cập máy tính: 1.346 lượt; số lượng tài liệu lưu thông là 2.454 cuốn.

✚ Tập huấn kỹ năng thông tin cho sinh viên văn bằng 2 khóa 18.

✚ Phục vụ bạn đọc sử dụng Phòng học, thảo luận nhóm: 196 bạn đọc (31 nhóm).

2. Hoạt động Tháng 12/2019

✚ Bổ sung tài liệu theo kế hoạch; cập nhật cơ sở dữ liệu thư mục; biên soạn Bản tin Thư viện, Thông báo sách mới Tháng 12/2019.

✚ Duy trì công tác phục vụ bạn đọc.

✚ Tập huấn kỹ năng thông tin cho sinh viên văn bằng 2 Khóa 18.

3. Giới thiệu sách



Các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Tác giả: GS. TSKH. Lê Du Phong, Đỗ Đức Bình,...

Năm xuất bản: 2018

Nhà xuất bản: Chính trị Quốc gia Sự thật

Địa chỉ tài liệu: Phòng đọc 1 – Giá: Tham khảo Kinh tế.

Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn nhưng cũng gặp phải không ít các rào cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cuốn sách ***“Các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam”*** của tập thể tác giả do GS. TSKH. Lê Du Phong chủ biên, giúp bạn đọc hiểu rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn của các rào cản về thể chế kinh tế.

Cuốn sách gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội và kinh nghiệm quốc tế: Khái niệm, nội dung, rào cản và kinh nghiệm quốc tế đối với việc dỡ bỏ rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội và bài học rút ra cho Việt Nam.

Chương 2. Thực trạng các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam: Chuyển đổi mô hình kinh tế và quá trình hình thành thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới; nêu thực trạng, đánh giá tác động, nguyên nhân và những vấn đề cần khắc phục các rào cản.

Chương 3. Quan điểm, định hướng và giải pháp nhằm dỡ bỏ rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam đến năm 2030: Bối cảnh quốc tế và trong nước; mục tiêu, quan điểm, định hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm dỡ bỏ các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam đến năm 2030.



Người Việt tự ngắm mình

Tác giả: Nguyễn Hoàng Đức

Nhà xuất bản: Thanh niên

Năm xuất bản: 2018

Địa chỉ tài liệu: Phòng đọc 1

– Giá: Văn hóa giáo dục.

Xưa nay, người Việt vẫn luôn tự hào về truyền thống và những đức tính quý báu như: yêu nước, đoàn kết, coi trọng tình nghĩa, cần cù, hiếu học,... Tuy nhiên, xuất phát từ đặc trưng của nền văn minh lúa nước, lại chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến Nho giáo hàng ngàn năm nên người Việt có những thói hư, tật xấu cản trở sự phát triển của đất nước, làm xấu đi hình ảnh của người Việt nói chung gây nhiều hạn chế trong giao lưu kinh tế - văn hóa, nhất là khi Việt Nam đang trên đường hội nhập thế giới. Thói hư, tật xấu được các thế hệ người Việt phản ánh qua ca dao, tục ngữ, thành ngữ, nhưng hệ thống hoá, bổ sung và tư duy khoa học thì không thể không kể đến Nguyễn Hoàng Đức với **“Người Việt tự ngắm mình”**.

Chương đầu tiên với tựa đề “Lý do để cuốn sách này có mặt” tác giả phân tích, lý giải chuyện xưa, nay, đông, tây, kim, cổ để dẫn chứng về người Pháp, người Mỹ cũng đã từng tự nhận “người Pháp xấu xí”, “người Mỹ xấu xí”,... Bên cạnh đó, tác giả liệt kê một số nội dung trong ba cuốn sách nổi tiếng phản ánh về những hạn chế, thói hư, tật xấu của người Trung Quốc. Đó là lãnh tụ Tôn Trung Sơn với “Chủ nghĩa tam dân”, nhà văn Vương Sóc với “Người đẹp tặng ta thuốc bùa mê” và “Người Trung Quốc xấu xí” của nhà văn Bá Dương. Từ chuyện của xứ người, nước người, Nguyễn Hoàng Đức khẳng định “Không ai hiểu ta bằng ta. Cũng chẳng ai biết được cái xấu của ta bằng chính ta, cũng không ai làm hộ ta”. Dân tộc nào cũng có cái hay, cái đẹp nhưng cũng có cái xấu, cái chưa hợp lý. Vấn đề quan trọng là biết hư thì sửa, biết xấu thì làm cho đỡ xấu và tiến tới làm cho đẹp hơn.

Chương thứ hai với tên gọi “Tự ngắm mình”, tác giả thống kê 21 tật xấu của người Việt như: Ngồi xổm, ăn xó mó niêu, đầu voi đuôi chuột, phép vua thua lệ làng,... Mỗi tật xấu có sự phân tích, lý giải, dẫn chứng minh họa, tác hại và đề xuất hình thức, phương pháp sửa chữa. Để người đọc có cái nhìn tổng quát, tác giả bổ sung, hệ thống hoá tật xấu của người Việt thành 6 điểm và nêu ra 7 câu hỏi để mọi người cùng suy ngẫm, tự điểm lại mình.

Đọc **“Người Việt tự ngắm mình”**, mỗi người hãy tự soi mình, sửa mình, góp phần đưa đất nước, dân tộc vươn ra biển lớn bằng phẩm chất của người Việt hiện đại, văn minh.



Bảo lực đối với phụ nữ trong gia đình - Nhận thức và giải pháp phòng ngừa

Tác giả: PGS. TS. Đỗ Cảnh Thìn

Nhà xuất bản: Công an nhân dân

Năm xuất bản: 2017

Địa chỉ tài liệu: Phòng đọc 2, Giá số 17.

Bạo lực gia đình là vấn nạn gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Trong những năm qua, tình trạng bạo lực gia đình ở nước ta có nhiều diễn biến phức tạp, để lại hậu quả nặng nề cho nạn nhân, gia đình và gây bức xúc trong dư luận xã hội. Với mong muốn truyền tải thông tin, kinh nghiệm và giải pháp về phòng ngừa bạo lực gia đình tại Việt Nam, PGS. TS. Đỗ Cảnh Thìn biên soạn cuốn sách ***“Bảo lực đối với phụ nữ trong gia đình - Nhận thức và giải pháp phòng ngừa”***.

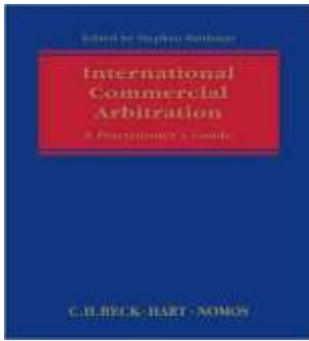
Sách gồm 3 chương:

Chương 1 - Nhận thức về gia đình và bạo lực gia đình đối với phụ nữ: Khái niệm, bản chất gia đình và đạo đức gia đình; mối quan hệ giữa gia đình - xã hội và cá nhân; một số vấn đề về gia đình Việt Nam hiện đại; biểu hiện của suy thoái đạo đức gia đình và nguyên nhân của tình trạng này. Tác giả đi sâu nghiên cứu về bạo lực gia đình, bạo lực gia đình đối với phụ nữ; hình thức, nguyên nhân bạo lực; quan niệm xã hội, thái độ và nhận thức của phụ nữ đối với bạo lực gia đình,...

Chương 2 - Pháp luật về phòng, chống bạo lực trong gia đình và hậu quả đối với phụ nữ: Khái quát các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bạo lực gia đình; thực trạng bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay; hậu quả để lại đối với con người, gia đình, xã hội nói chung và phụ nữ nói riêng.

Chương 3 - Giải pháp phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ: Trình bày các vấn đề lý luận cơ bản (khái niệm, nguyên tắc, nội dung, biện pháp phòng ngừa) và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ trong thời gian tới.

Sách là tài liệu tham khảo hữu ích dành cho cán bộ, học viên, sinh viên học tập và làm việc trong lĩnh vực tư pháp, kiểm sát, tòa án, công an,...



International commercial arbitration

Biên tập: Balthasar, Stephan

Nhà xuất bản: Hart Publishing

Năm xuất bản: 2016

Địa chỉ tài liệu: Phòng đọc 2 - Giá số 23.

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp được sử dụng phổ biến trên thế giới, nhất là những nước có nền kinh tế phát triển. Cuốn sách **“International commercial arbitration”** trình bày một số nét khái quát về trọng tài thương mại quốc tế, giới thiệu một số công ước, hiệp định quốc tế về trọng tài thương mại.

Sách gồm 3 phần:

Phần 1: Giới thiệu chung: Trình bày nguyên tắc của Trọng tài thương mại quốc tế, thỏa thuận trọng tài, Hội đồng trọng tài và thủ tục tố tụng trọng tài, xem xét và thi hành phán quyết của trọng tài.

Phần 2: Các Công ước và hiệp định quốc tế về trọng tài thương mại. Công ước New York giới thiệu những vấn đề chung, hoàn cảnh ra đời, phạm vi áp dụng, công nhận thỏa thuận trọng tài, công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài. Hiệp ước Trọng tài đầu tư: Giới thiệu khái quát, yêu cầu và tiêu chuẩn chung về bảo hộ nhà đầu tư theo Hiệp định Đầu tư quốc tế (IIA), thẩm quyền của tòa án trọng tài trong việc giải quyết các khiếu nại của nhà đầu tư theo cơ chế giải quyết tranh chấp của (IIA).

Phần 3: Các Báo cáo quốc gia: Phân tích báo cáo Trọng tài thương mại ở 16 quốc gia trên thế giới: Úc, Bỉ, Brazil, Trung Quốc, Anh và xứ Wales, Pháp, Đức, Hồng Kông,... Các báo cáo này được trình bày theo một cấu trúc thống nhất gồm: giới thiệu, thỏa thuận trọng tài, Hội đồng trọng tài và thủ tục tố tụng trọng tài, kiểm soát và thi hành phán quyết của trọng tài.

Sách là tài liệu tham khảo hữu ích đối với giảng viên, sinh viên và bạn đọc quan tâm tới trọng tài thương mại quốc tế.

4. Tin pháp luật

(Nguồn: <https://luatvietnam.vn>)



4.1. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 11/2019

4.1.1. Sửa đổi trình tự, thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân

[Thông tư 40/2019/TT-BCA](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2016/TT-BCA quy định chi tiết Luật Căn cước công dân và biện pháp thi hành Luật này được áp dụng từ ngày 18/11/2019.

Đáng chú ý tại Thông tư 40, trình tự, thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân được sửa đổi như sau:

Bước 1. Công dân điền vào Tờ khai Căn cước công dân (CCCD).

- Nếu khai theo mẫu trên trang Thông tin điện tử dịch vụ công trực tuyến thì lựa chọn ngày, tháng, năm làm thủ tục và gửi đến cơ quan quản lý CCCD nơi đăng ký thường trú ngay trên trang Thông tin điện tử;

- Nếu trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh làm thủ tục thì nộp cho cán bộ tiếp nhận.

Bước 2. Cán bộ tiếp nhận xử lý

- Cán bộ tiếp nhận sẽ kiểm tra, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối để xác định chính xác người cần cấp thẻ và thống nhất các nội dung thông tin về công dân;

- Nếu cơ sở dữ liệu chưa đi vào vận hành thì công dân xuất trình Sổ hộ khẩu; Nếu thông tin trên Sổ hộ khẩu không đủ hoặc không thống nhất với Tờ khai thì công dân xuất trình Giấy khai sinh, Chứng minh nhân dân cũ hoặc các giấy tờ hợp pháp khác.

Bước 3. Chụp ảnh, thu thập vân tay, đặc điểm nhận dạng để in trên Phiếu thu nhận thông tin CCCD và thẻ CCCD;

Bước 4. Cấp giấy hẹn trả thẻ CCCD. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện;

Bước 5. Cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân (nếu có) và trả thẻ CCCD theo thời gian, địa điểm trong giấy hẹn.

4.1.2. Từ 18/11/2019, xin xác nhận số CMND phải có giấy đề nghị

Nội dung này được đề cập tại [Thông tư 41/2019/TT-BCA](#) có hiệu lực từ ngày 18/11/2019.

Theo đó, sẽ bổ sung thêm Giấy đề nghị xác nhận số Chứng minh nhân dân (mẫu CC13) khi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân.



Đồng thời, Thông tư này cũng thay thế một loạt các biểu mẫu ban hành kèm theo [Thông tư 66/2015/TT-BCA](#) trước đây, cụ thể:

- Tờ khai căn cước công dân (mẫu số CC01);
- Đề xuất phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân (mẫu số CC06);
- Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân (mẫu số CC07);

- Phiếu điều chỉnh thông tin căn cước công dân (mẫu số CC09);
- Phiếu thu thập thông tin dân cư (mẫu số DC01).

4.1.3. Tư vấn bảo hiểm phải có bằng đại học chuyên ngành bảo hiểm

Ngày 14/6/2019, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ.

Liên quan đến dịch vụ tư vấn bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm, cá nhân cung cấp dịch vụ này phải đáp ứng được điều kiện:

- Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành khác và chứng chỉ tư vấn bảo hiểm do cơ sở đào tạo được thành lập, hoạt động hợp pháp ở trong hoặc ngoài nước cấp.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ có hiệu lực từ 01/11/2019.

4.1.4. Tổ chức có thể là thành viên của Tổ hợp tác

[Nghị định 77/2019/NĐ-CP](#) về tổ hợp tác ban hành ngày 10/10/2019 có khá nhiều điểm mới so với trước đây.

Trong đó, thành viên tổ hợp tác ngoài cá nhân là công dân Việt Nam như thường lệ còn có thể là tổ chức.

Tổ chức phải là pháp nhân Việt Nam, thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có năng lực pháp luật phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của tổ hợp tác.

Nghị định có hiệu lực từ 25/11/2019.

4.1.5. Từ 5/11/2019, có thể nộp thuế bất cứ lúc nào trong ngày

Ngày 20/9/2019, Bộ Tài chính ban hành [Thông tư 66/2019/TT-BTC](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Thông tư 110/2015/TT-BTC](#) về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Nổi bật trong Thông tư sửa đổi là quy định về thời gian nộp hồ sơ, nộp thuế điện tử:

- Người nộp thuế được thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết.

- Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử là căn cứ để cơ quan thuế tính thời gian nộp hồ sơ thuế và xử lý hành vi chậm nộp hoặc không nộp hồ sơ thuế; hoặc để tính thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định:

+ Đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

+ Đối với hồ sơ khai thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

+ Đối với chứng từ nộp thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận chứng từ nộp thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

+ Đối với hồ sơ hoàn thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của

Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 05/11/2019.

4.1.6. Từ 1/11/2020, mọi doanh nghiệp phải đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử

Ngày 30/9/2019 vừa qua, Bộ Tài chính ban hành [Thông tư 68/2019/TT-BTC](#) hướng dẫn thực hiện một số điều của [Nghị định 119/2018/NĐ-CP](#) về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/11/2019 và cho đến ngày 31/10/2020, các văn bản trước đây của Bộ Tài chính về hóa đơn điện tử vẫn có hiệu lực thi hành như:

- [Thông tư 32/2011/TT-BTC](#) hướng dẫn khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- [Thông tư 191/2010/TT-BTC](#) hướng dẫn quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;
- [Thông tư 39/2014/TT-BTC](#) sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 26/2015/TT-BTC;
- [Quyết định 1209/QĐ-BTC](#) thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế;

- [Quyết định 526/QĐ-BTC](#) mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

Từ ngày 01/11/2020, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này.



4.1.7. Người lao động được vay tối đa 100 triệu đồng từ Quỹ Việc làm

Đây là sự thay đổi đáng chú ý của [Nghị định 74/2019/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định 61/2015/NĐ-CP](#) về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 08/11/2019 và từ lúc này, người vay vốn được vay:

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: Mức vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng cho 01 người

lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Đối với người lao động: Mức vay tối đa là 100 triệu đồng.

Mức vay do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay. Thời hạn vay tối đa 120 tháng.

4.1.8. Hôn người dưới 16 tuổi có thể bị coi là Dâm ô trẻ em

[Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP](#) hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi chính thức được áp dụng từ ngày 05/11/2019.

Theo Nghị quyết này, dâm ô là hành vi của những người cùng giới hoặc khác giới tiếp xúc về thể chất trực tiếp hoặc gián tiếp qua lớp quần áo vào bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác trên cơ thể của người dưới 16 tuổi có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục, gồm một trong các hành vi:

- Dùng bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm tiếp xúc (đụng chạm, cọ xát, chà xát...) với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác của người dưới 16 tuổi;

- Dùng bộ phận khác trên cơ thể (tay, chân, miệng, lưỡi...) tiếp xúc (vuốt ve, sờ, bóp, cấu véo, hôn, liếm...) với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của người dưới 16 tuổi;

- Dùng dụng cụ tình dục tiếp xúc (đụng chạm, cọ xát, chà xát...) với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của người dưới 16 tuổi;

- Dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi dùng bộ phận khác trên cơ thể của họ tiếp xúc (vuốt ve, sờ, bóp, cấu véo, hôn, liếm...) với bộ phận nhạy cảm của người phạm tội hoặc của người khác;

- Các hành vi khác có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục (hôn vào miệng, cổ, tai, gáy... của người dưới 16 tuổi).

4.2. Văn bản pháp luật ban hành trong tháng 11/2019

4.2.1. Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

Ngày 19/11/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả,

thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai bao gồm vi phạm trong sử dụng đất và vi phạm trong thực hiện dịch vụ về đất đai.

Nghị định bổ sung quy định mới xử phạt với trường hợp tổ chức thực hiện dự án kinh doanh bất động sản không nộp hồ sơ làm thủ tục cấp Sổ đỏ cho người mua, thuê mua nhà, công trình xây dựng, người nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc không cung cấp, cung cấp không đầy đủ giấy tờ cho người mua.



Mức phạt tiền với trường hợp trên căn cứ vào thời gian và phạm vi căn hộ công trình xây dựng vi phạm. Cụ thể, vi phạm từ 50 ngày đến 06 tháng mức phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng với trường hợp vi phạm dưới 30 căn hộ; tối đa 50 triệu đồng với phạm vi từ 30 đến 100 căn hộ, trên 100 căn hộ với mức phạt tối đa 100 triệu đồng.

Vi phạm thời gian từ 6 đến 9 tháng mức phạt cao nhất lên tới 300 triệu đồng với trường hợp từ 100 căn hộ. Đặc biệt vi phạm từ 12 tháng trở lên với phạm vi từ 100 căn hộ sẽ bị phạt đến 1 tỷ đồng và buộc nộp hồ sơ hoặc cung cấp đầy đủ giấy tờ cho người mua.

Với cá nhân, Nghị định cũng quy định trường hợp Tòa án nhân dân và cơ quan hành chính các cấp yêu cầu cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu liên quan đến đất đai để thanh tra, kiểm tra, thu thập chứng cứ giải quyết tranh chấp mà quá thời hạn không cung cấp sẽ bị phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng.

Trường hợp cá nhân sử dụng giấy tờ giả trong thực hiện thủ tục hành chính và các công việc khác liên quan tới đất đai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp phải tạm đình chỉ hoặc đình chỉ dịch vụ về đất đai khi xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 37 của Nghị định này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp giấy phép, đăng ký hoạt động hành nghề để phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

Nghị định có hiệu lực từ 5/1/2020.

4.2.2. Chính thức tăng lương tối thiểu vùng từ ngày 1/1/2020

Theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP, người lao động làm việc ở các doanh nghiệp theo chế độ hợp đồng lao động sẽ được tăng lương từ 150.000-240.000 đồng so với năm 2019.



Cụ thể: Người lao động thuộc vùng I tăng từ 4.180.000 đồng lên 4.420.000 đồng/tháng;

Vùng II tăng từ 3.710.000 đồng lên 3.920.000 đồng/tháng;

Vùng III tăng từ 3.250.000 đồng lên 3.430.000 đồng/tháng; vùng IV tăng từ 2.920.000 đồng lên 3.070.000 đồng/tháng.

Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng được quy định theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh. Danh mục địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu thuộc vùng I, vùng II, vùng III và vùng IV được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Nghị định cũng nêu rõ việc áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị

định này là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương, trong đó mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận phải bảo đảm: không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất; cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc đòi hỏi người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề theo quy định tại Nghị định.

Nghị định của Chính phủ cũng quy định khi thực hiện mức lương tối thiểu vùng, doanh nghiệp không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các chức danh nghề nặng nhọc, độc hại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động. Các khoản phụ cấp, bổ sung khác, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp.

4.3. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao (từ 1/11-25/11/2019)

(Nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/>)

4.3.1. Lĩnh vực Hành chính: 15 bản án, quyết định

Quyết định: số 203/2019/QĐ-PT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: 1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 38/2019/QĐST-HC ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. 2. Ông Trần Đình H được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án: số 202/2019/HC-PT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: 1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị B. 2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. 3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị B về yêu cầu hủy Quyết định số 12865/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Đ1 và Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. 4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị B về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 876092 ngày 30/8/1995 của UBND huyện Đ1 (nay là UBND thị xã Đ1) cấp cho hộ ông Hà M.

Quyết định: số 205/2019/QĐ-HCPT ngày 04/11/2019 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 30/2019/QĐST-HC ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Quyết định: số 210/2019/QĐ-PT ngày 05/11/2019 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 196/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc “Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa: - Người khởi kiện: Bà Lê Thị B; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. - Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Quyết định: số 43 ngày 05/11/2019 tại Hà Nội

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Thông tin về vụ án: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ hành chính Thụ lý số 181/HCPT ngày 28 tháng 05 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Quyết định: số 29/2019/QĐ-PT ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ xử phạt vi phạm hành chính.

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo quá hạn.

Quyết định: số 800/2019/QĐ-PT ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án

Bản án: số 805/2019/HC-PT ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

Bản án: số 799 ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Bản án: số 217/2019/HC-PT ngày 11/11/2019 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của Công ty D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bản án: số 218/2019/HC-PT ngày 12/11/2019 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ xử phạt vi phạm hành chính.

Thông tin về vụ án: 1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng T, bà Lương Thị T1 về yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 3190/QĐ-KPHQ ngày 14/6/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3709/QĐ-CCXP ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P1.

Bản án: số 819 ngày 15/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Bản án: số 826/2019/HC-PT ngày 18/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bản án: số 831/2019/HC-PT ngày 19/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Hủy Bản án sơ thẩm.

Bản án: số 231/2019/HC-PT ngày 20/11/2019 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư,...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của UBND Quận S và UBND thành phố Đà Nẵng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4.3.2. Lĩnh vực Kinh doanh thương mại: 2 bản án, quyết định

Bản án: số 15/2019/KDTM - PT ngày 05/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty.

Thông tin về vụ/việc: 1. Căn cứ Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T. 2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bản án: số 18/2019/KDTM – PT ngày 11/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thông tin về vụ/việc: Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

4.3.3. Lĩnh vực Dân sự: 13 bản án, quyết định

Bản án: số 213 /2019/DS-PT ngày 05/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hồng H, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Kim C và bà Lê Thị V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án: số 212/2019/DS-PT ngày 05/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận đơn kháng cáo của cụ Trần Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10 /2019/DS-ST ngày 26/7/2019, của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án: số 217/2019/DS-PT ngày 06/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Thông tin về vụ/việc: chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 04 tháng 05 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án: số 222/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Bé E; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quyết định: số 541/2019/QĐ-PT ngày 08/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định tạm đình chỉ.

Quyết định: số 548/2019/QĐ-PT ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận kháng cáo, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Bản án: số 551/2019/DS-PT ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bản án: số 224/2019/DS-PT ngày 11/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm, uy tín.

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H. Buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phải bồi thường cho ông Dương Văn H số tiền: 281.325.000 (Hai trăm tám mươi một triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, trong đó: Tiền tổn thất tinh thần là: 249.575.000 (Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng và các chi phí khác được bồi thường là: 31.750.000 (Ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Bản án: số 226/2019/DS-PT ngày 11/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của ông Từ G; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Quyết định: số 31 ngày 13/11/2019 tại Hà Nội

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Thông tin về vụ/việc: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa. Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Quyết định: số 575 ngày 15/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản về quyền sở hữu tài sản.

Thông tin về vụ/việc: Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Bản án: số 234/2019/DS-PT ngày 18/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:21 /2019/DS-ST ngày 25/6/2019, của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án: số 243/2019/DS - PT ngày 19/11/2019 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Lâm Thị T sửa một phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

4.3.4. Lĩnh vực Hình sự: 17 bản án, quyết định

Bản án: số 345/2019/HS-PT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Lê Quang T và các bị cáo khác - phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (điều 356 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Lê Quang T, Nguyễn Kim S, Bùi Hải N, Trịnh Duy M, Trịnh Duy T1, Nguyễn Thanh P, Trần Thanh H, Trần Ngọc T2, Nguyễn Đức N1 và Phạm Huy T2 và kháng cáo của Ban quản lý dự án Đ về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức N1 và Phạm Huy T2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Không chấp nhận kháng cáo của: Ban quản lý dự án Đ, Tổng công ty xây dựng công trình Y - Bộ Giao thông vận tải, Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Bản án: số 344/2019/HS-PT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Bị cáo K - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai và kháng cáo của bị cáo K, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 57; Điều 91; Điều 101; Điều 102 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo K 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2018.

Bản án: số 341/2019/HSPT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Đỗ Văn T và đồng phạm - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C và Nguyễn Minh V, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bản án: số 346/2019/HS-PT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn R - phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả (điều 156 Bộ luật hình sự năm 1999).

Thông tin về vụ án: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn R; sửa Bản án sơ thẩm số: 35/2019/HS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án: số 343/2019/HS-PT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Nguyễn Đức Đ, Trần Trường G - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Trần Trường G; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 342/2019/HSPT ngày 01/11/2019 tại Đà Nẵng

Nguyễn Trường Q - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trường Q (M); Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 348/2019/HS-PT ngày 04/11/2019 tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn D và đồng phạm - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Duy H, Hoàng Xuân B, Hoàng Thị C, Vũ Văn L1, Lê Văn H1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Như T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357; Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Văn D, Đậu Thị Hồng L, Nguyễn Lương Đ, Trần Thị Minh L2, Rơ Châm U, Lê Văn L3 và bị cáo Hoàng Quốc V, sửa bản án sơ thẩm (về phần hình phạt).

Bản án: số 347/2019/HSPT ngày 04/11/2019 tại Đà Nẵng

Đoàn Văn C - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đoàn Văn C; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HSST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Quyết định: số 06/2019/HSPT-QĐ ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Phiên họp xét đơn kháng cáo quá hạn của bị hại bà Nguyễn Thảo Minh C - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999).

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị hại bà Nguyễn Thảo Minh C.

Bản án: số 684/2019/HS-PT ngày 11/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Võ Thành P - phạm tội tàng trữ vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt ma túy (điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999).

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm về hình phạt.

Bản án: số 357/2019/HS-PT ngày 12/11/2019 tại Đà Nẵng

Trần Thị T và các bị cáo khác - phạm tội đánh bạc (điều 321 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Thị T và bị cáo NGUYỄN THỊ V.

Bản án: số 356/2019/HS-PT ngày 12/11/2019 tại Đà Nẵng

Nguyễn Thị Thanh N - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: . Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh N.

Bản án: số 697/2019/HS-PT ngày 14/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Hồ Tự D - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bản án: số 700/2019/HS-PT ngày 15/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Văn B - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo, hủy phần dân sự của Bản án sơ thẩm.

Quyết định: số 703/2019/QĐ-PT ngày 18/11/2019 tại TP Hồ Chí Minh

Mai Hữu P - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Chấp nhận việc kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị, đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Bản án: số 370/2019/HS - PT ngày 19/11/2019 tại Đà Nẵng

Trần Thị H - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 07 /2019/ HS-ST ngày 25 / 3 /2019 của Tòa án nhân dân Tỉnh Quảng Nam.

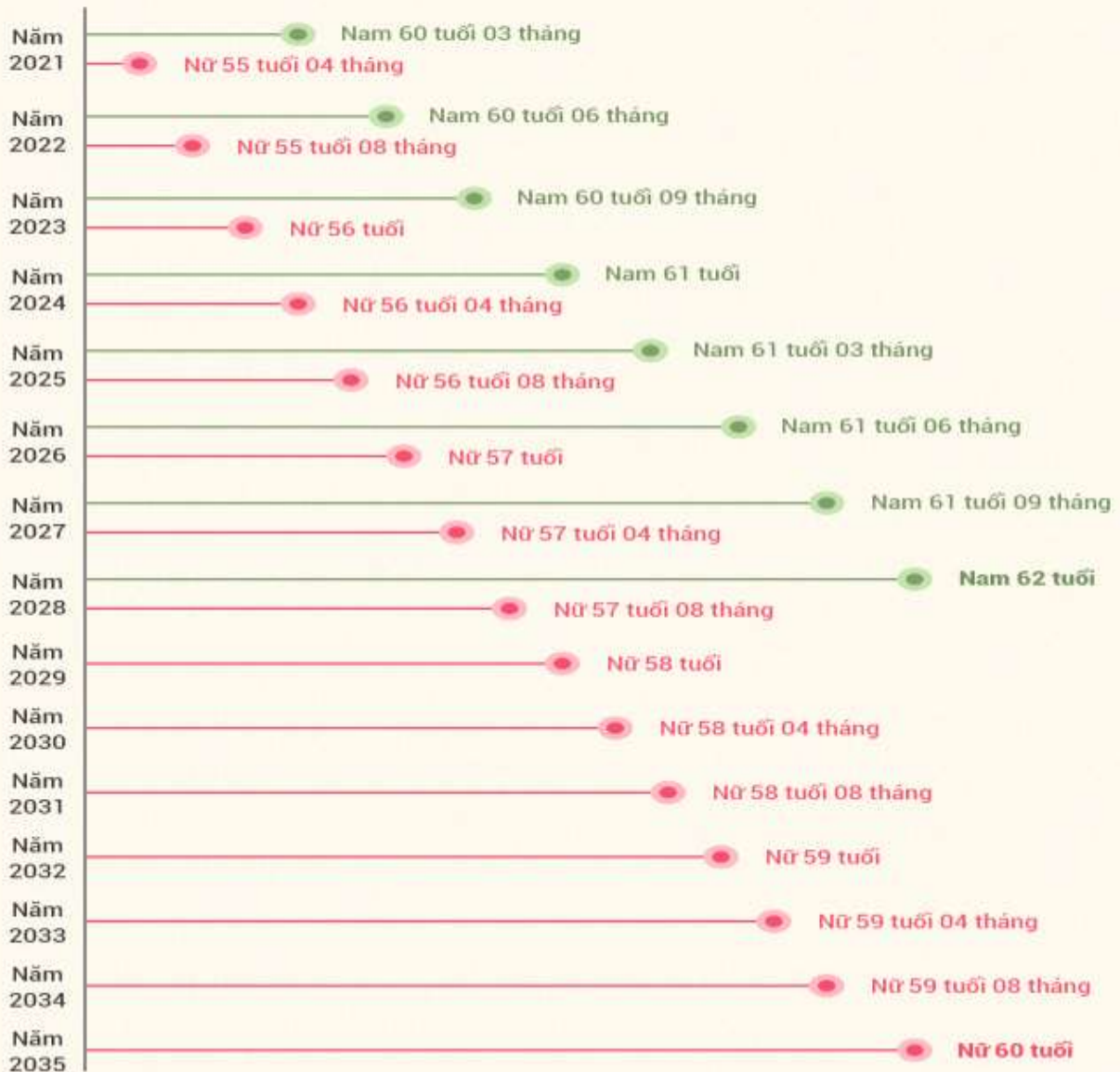
Quyết định: số 375/2019/HSPT-QĐ ngày 21/11/2019 tại Đà Nẵng

Phan Tuấn V - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

Thông tin về vụ án: 1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 379/2019/TLPT-HS ngày 20 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo Phan Tuấn V phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. 2. Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2019/HS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

5. Có thể bạn quan tâm? (Nguồn: <https://luatvietnam.vn/>)

5.1. Lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu từ 2021 theo Bộ luật Lao động mới



5.2. Cần đáp ứng những điều kiện nào để được nhận con nuôi?

4 ĐIỀU KIỆN ĐỂ NHẬN CON NUÔI



Không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự



Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên*



Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi*



Có tư cách đạo đức tốt

** Không cần đáp ứng các điều kiện này nếu cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi*

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC NHẬN CON NUÔI



Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con dưới 18 tuổi;



Đang chấp hành việc xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;



Đang đi tù



Chưa được xóa án tích về tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự người khác; Ngược đãi, hành hạ người thân; Dụ dỗ người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật; Mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

5.3. Phụ nữ và trẻ em gái cần được bảo vệ

